

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 71/2019/QĐST-HNGĐ

C, ngày 27 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

* Chị **Trần Thị T** - Sinh năm: 1993

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

* Anh **Nguyễn S** - Sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Thôn P, xã N, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2014, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2014, quyển số 01, ngày 12/9/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng, yêu thương, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, sống với nhau không có hạnh phúc. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, khả năng hàn gắn không còn nên chị T và anh S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình trạng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị Trần Thị T và anh Nguyễn S thuận tình ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S có 01 con chung là Nguyễn B - Sinh ngày 28/3/2015. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S thỏa thuận:

Chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giám dục cháu Nguyễn B, anh Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2019 đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Thỏa thuận trên của chị Trần Thị T và anh Nguyễn S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội nên Tòa án công nhận

[3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm về ly hôn, nuôi con chung theo quy định của pháp luật;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung và tài sản chung, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giám dục cháu Nguyễn B - Sinh ngày 28/3/2015. Anh Nguyễn S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ tháng 6 năm 2019 đến khi cháu Nguyễn B đủ 18 tuổi.

- * Về lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn S mỗi người nộp 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà chị Trần Thị T và anh Nguyễn S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000419 ngày 17/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; như vậy chị Trần Thị T và anh Nguyễn S đã nộp đủ tiền lệ phí

- * Quy định: Kể từ ngày chị Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Nguyễn S không tự nguyện thi hành thì ông phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP C
- Chi cục THADS TP C;
- UBND xã Xã L, huyện G, tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Luân